

PHỤ LỤC

Danh mục trang thiết bị y tế yêu cầu báo giá ngày 1 tháng 8 năm 2023

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
I	Hóa chất xét nghiệm			
	1. HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY SINH HÓA A15, A25 và BA400 HÃNG BIOSYSTEMS - TÂY BAN NHA			
1	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 2	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 2 Thành phần thuốc thử: huyết thanh người (đông khô), có chứa các thành phần với nồng độ phù hợp để thực hiện quy trình nội kiểm	125	ml
2	Dung dịch rửa hệ thống	Dung dịch rửa hệ thống	5000	ml
3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LDL cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol LDL Direct mẫu huyết thanh, huyết tương người	320	ml
4	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Amylase	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng a-Amylase-Direct mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người.	300	ml
5	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CK-MB	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatine Kinase-MB (CK-MB) mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần thuốc thử: Kháng thể kháng CK-M người, Creatine phosphate	250	ml
6	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Hemoglobin A1C-Direct	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1C-Direct mẫu máu người Thành phần thuốc thử: Hỗn dịch hạt latex, Kháng thể kháng HbA1C người. Phương pháp đo: DIRECT. Dải đo: 6 - 140 mmol/mol	300	ml
7	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1C mức bệnh lý	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1c mức bệnh lý Thành phần thuốc thử: mẫu ly giải hồng cầu (có nguồn gốc từ người, dạng đông khô), được dùng cho quy trình kiểm chứng Hemoglobin A1C	2	ml
8	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1C Direct	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1C Direct mẫu máu người Thành phần thuốc thử: huyết thanh người (dạng bột đông khô), có chứa các nồng độ thành phần phù hợp để hiệu chuẩn xét nghiệm đo nồng độ HbA1C	8	ml
9	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1C mức bình thường	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1c mức bình thường Thành phần thuốc thử: mẫu ly giải hồng cầu (có nguồn gốc từ người, dạng đông khô), được dùng cho quy trình kiểm chứng Hemoglobin A1C	2	ml

10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Lipase	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Lipase mẫu huyết thanh, huyết tương người		ml
11	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CRP	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CRP mẫu huyết thanh, huyết tương người		ml
12	Bóng đèn máy sinh hóa A25	dùng cho máy sinh hóa A25; 12V/20W	3	cái
	II. Test thử đường huyết sử dụng cho Máy thử đường huyết OneTouch Verio Hospital của hãng Lifescan			
1	Test thử đường huyết sử dụng cho Máy thử đường huyết OneTouch Verio	Đo bằng phương pháp: Kỹ thuật hóa điện cực được thiết kế đặc biệt với 2 điện cực Vàng (Au) và điện cực Palladium (Pd). - Sử dụng men (enzyme): Glucose Dehydrogenase (FAD-GDH) rất đặc hiệu với glucose (chỉ phản ứng với glucose) cho kết quả chính xác vì không bị ảnh hưởng bởi nồng độ oxy và các loại đường như maltose, galactose có trong máu. - Độ chính xác cao >99% - Mã hóa tự động nhận que không cần hiệu chỉnh hay cài đặt. - Que thử tự thấm hút nhanh, dễ dàng thấm đủ lượng máu. - Loại mẫu máu: mao mạch, tĩnh mạch, động mạch - Thời gian đo: 5 giây, mẫu lấy máu: 0,4μL, lấy máu 2 cạnh bên. - Phạm vi đo lường Glucose: 20 - 600 mg/dL (1,1 - 33,3 mmol/L) - Khoảng Hematocrit: 20 - 60%	500	test
II	Trang thiết bị y tế			
1	Máy điện châm	6 cổng ra; Nguồn điện: DC9V/AC220V hoặc 110V; Cường độ dòng điện tối đa: 10V; Điện áp đầu ra: 0.3VA; Sóng xung đầu ra: Sóng xung hai chiều không đối xứng; Tần số xung: Có thể điều chỉnh trong khoảng 1~100Hz; Tần số xung đầu ra: Liên tục, không liên tục, ngắt quãng; Tần số điều biến là 0 ~ 150Hz và dung sai tần số đơn là ± 10% hoặc ± 1Hz, tùy theo giá trị nào lớn hơn; Nhiệt độ tản điện cực: 38°C ~ 55°C, có thể điều chỉnh theo 6 cấp độ, dung sai ±3;	10	cái

2	Máy điện xung	Công suất: 60VA; Điện áp: 220V±22V, 50Hz±1Hz;Kích thước: Dài- 280mm, rộng- 205mm, cao- 80mm;Màn hình hiển thị: LED; Đầu ra: Tần số trung tần một kênh cộng với đầu ra điện nhiệt; .Tần số sóng trung tần là 2kHz ~ 10kHz và dung sai tần số đơn là ±10%; Tần số điều biến là 0 ~ 150Hz và dung sai tần số đơn là ± 10% hoặc ± 1Hz, tùy theo giá trị nào lớn hơn; Dạng sóng trung tần: Sóng vuông hai chiều, dạng sóng biến điệu bao gồm sóng hình sin, sóng vuông, sóng tam giác, sóng hàm số mũ, sóng răng cưa, sóng nhọn và sóng có biên độ bằng nhau; Chế độ điều biến: Liên tục, không liên tục, chuyển đổi tần số, điều biến dày đặc và xen kẽ; Độ rộng xung: 50us ~ 250us, dung sai ±10%; Phạm vi điều chế sóng trung tần: 0%, 25%, 50%, 75%, 100%, dung sai ±5%; Dòng điện đầu ra trung tần: Dưới tải 500Ω, dòng điện đầu ra của mỗi kênh không quá 100mA. Cường độ đầu ra có thể điều chỉnh từ 0 đến 99 cấp độ; Độ ổn định dòng điện đầu ra: Tốc độ thay đổi dòng điện đầu ra dưới các tải khác nhau không lớn hơn 10%; Thời gian điều trị của mỗi phác đồ là 20 phút và 30 phút. Khi hết thời gian điều trị, sẽ có âm thanh nhắc nhở và dừng đầu ra. Dung sai thời gian là ±1 phút.	3	cái
3	Đèn hồng ngoại	Đèn hồng ngoại tập trung các tia sáng điện từ hồng ngoại, cung cấp nhiệt cho cơ thể, nhằm điều trị các bệnh lý trong y khoa và chăm sóc sức khỏe, điều trị các bệnh lý: Đau, sưng, phù nề, bầm tím, gout, chứng căng cơ, chứng căng thẳng, mệt mỏi, bệnh tai mũi họng, nhanh chóng làm lành vết thương, sản khoa, sởi ỉa... chiều cao đèn 1,7 mét, đế gang , dây dẫn điện 2,8m đến 3m được gắn chặt với nhau,Cổ định vị xoay linh động đến gần 360°, khoảng rộng 30cm+30cm, đuôi đèn ceramic E27 sử dụng nhiều loại bóng đèn, vỏ đèn làm bằng inox, chóa đèn chất liệu nhôm, bóng đèn hồng ngoại .	1	cái
III	Hóa chất dùng chung			
1	Bột Chlomin B	Bột trắng, có mùi đặc trưng	300	kg
2	Parafin rắn	Màu trắng đục, sáp thanh	400	kg
3	Dung dịch lugol	dung dịch lugol 3%, chai 500ml. Dùng trong sản khoa, ...	5000	ml
4	Dung dịch acid acetic 3%	Dung dịch axit acetic 3%, chai 500ml, Dùng trong sản phụ khoa	5000	ml
III.	Vật tư tiêu hao			
1	Ống thông tiểu hai nhánh các số	Chất liệu cao su thiên nhiên Bóng dung tích 30cc Chiều dài 40cm	600	cái

2	Chỉ phẫu thuật tự tiêu số 1	Chỉ phẫu thuật Polyglycolic acid số 1 dài 90cm, kim tròn 40mm, 1/2C. Chỉ được bao phủ bởi lớp Polycaprolactone và Calcium Stearate. Kim OriPass độ bền kéo 2700mPA, độ cứng bề mặt hơn 600VPN, Kim phủ Silicon. Thời gian tiêu hoàn toàn từ 60-90 ngày; Sức căng còn 75% sau 14 ngày; 50% sau 21 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO13485; CE; CE Design Examination; WHO-GMP	700	sợi
3	Chỉ phẫu thuật tự tiêu số 2/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi liền kim số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2, dài 26 mm, Chất liệu 90% glycolide và 10% co-lactide, lớp bao phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate, Kim làm bằng thép không gỉ được phủ silicon. Duy trì sức căng 75% sau 2 tuần và 50% sau 3 tuần, độ tan 56-70 ngày. Đóng gói vô trùng	850	sợi
4	Chỉ phẫu thuật tự tiêu số 3/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi liền kim số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2, dài 26 mm, Chất liệu 90% glycolide và 10% co-lactide, lớp bao phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate. Kim làm bằng thép không gỉ được phủ silicon. Duy trì sức căng 75% sau 2 tuần và 50% sau 3 tuần, độ tan 56-70 ngày. Đóng gói vô trùng	300	sợi
5	Chỉ lanh	100% cotton	5	cuộn
6	Chỉ thép khâu xương bánh chè	Chỉ thép Steel patella set khâu xương bánh chè số 7, dài 60 cm, kim tam giác 1/2c, dài 120mm. Tiêu chuẩn ISO, CE	5	sợi
7	Nẹp xương đòn 6 lỗ	Nẹp mắt xích được làm từ chất liệu thép không gỉ. Độ dày nẹp 2.0 mm, chiều rộng 12 mm, số lỗ bắt vít từ 4 - 25 lỗ, chiều dài tương ứng 61.5 mm - 301.5 mm, dùng vít thường 4.5 mm. Trên thân thể hiện rõ ký hiệu mã sản phẩm, số lỗ, nguyên vật liệu và tiêu chuẩn CE; có trợ cụ tương thích	10	cái
8	Nẹp xương đòn 8 lỗ	Nẹp mắt xích được làm từ chất liệu thép không gỉ. Độ dày nẹp 2.0 mm, chiều rộng 12 mm, số lỗ bắt vít từ 4 - 25 lỗ, chiều dài tương ứng 61.5 mm - 301.5 mm, dùng vít thường 4.5 mm. Trên thân thể hiện rõ ký hiệu mã sản phẩm, số lỗ, nguyên vật liệu và tiêu chuẩn CE; có trợ cụ tương thích	10	cái
9	Nẹp căng chân 8 lỗ	Nẹp bản hẹp được làm chất liệu thép không gỉ. Độ dày 4.5 mm, rộng 13.5 mm, số lỗ bắt vít từ 4-18 lỗ, chiều dài tương ứng 72.5 mm - 324.5 mm, dùng vít thường 4.5 mm. Trên thân thể hiện rõ ký hiệu mã sản phẩm, số lỗ, nguyên vật liệu và tiêu chuẩn CE; có trợ cụ tương thích	10	cái
10	Nẹp căng chân 10 lỗ	Nẹp bản hẹp được làm chất liệu thép không gỉ. Độ dày 4.5 mm, rộng 13.5 mm, số lỗ bắt vít từ 4-18 lỗ, chiều dài tương ứng 72.5 mm - 324.5 mm, dùng vít thường 4.5 mm. Trên thân thể hiện rõ ký hiệu mã sản phẩm, số lỗ, nguyên vật liệu và tiêu chuẩn CE; có trợ cụ tương thích	10	cái

11	Nẹp xương đùi 8 lỗ	Nẹp bản rộng được làm chất liệu thép không gỉ. Độ dày 5.2 mm, rộng 17.5 mm, số lỗ bắt vít từ 5-20 lỗ, chiều dài tương ứng 90.5 mm - 360.5 mm, dùng vít thường 4.5 mm. Trên thân thể hiện rõ ký hiệu mã sản phẩm, số lỗ, nguyên vật liệu và tiêu chuẩn CE; có trợ cụ tương thích	10	cái
12	Nẹp xương đùi 10 lỗ	Nẹp bản rộng được làm chất liệu thép không gỉ. Độ dày 5.2 mm, rộng 17.5 mm, số lỗ bắt vít từ 5-20 lỗ, chiều dài tương ứng 90.5 mm - 360.5 mm, dùng vít thường 4.5 mm. Trên thân thể hiện rõ ký hiệu mã sản phẩm, số lỗ, nguyên vật liệu và tiêu chuẩn CE; có trợ cụ tương thích	5	cái
13	Nẹp xương cánh tay 8 lỗ	Nẹp bản nhỏ được làm chất liệu thép không gỉ. Độ dày 3.5 mm, rộng 11 mm, số lỗ bắt vít từ 4-12 lỗ, chiều dài tương ứng 54.5 mm - 158.5 mm, dùng vít thường 3.5 mm. Trên thân thể hiện rõ ký hiệu mã sản phẩm, số lỗ, nguyên vật liệu và tiêu chuẩn CE; có trợ cụ tương thích	10	cái
14	Nẹp xương cẳng tay 8 lỗ	Nẹp bản nẹp được làm chất liệu thép không gỉ. Độ dày 4.5 mm, rộng 13.5 mm, số lỗ bắt vít từ 4-12 lỗ, chiều dài tương ứng 54.5 mm - 158.5 mm, dùng vít thường 3.5 mm. Trên thân thể hiện rõ ký hiệu mã sản phẩm, số lỗ, nguyên vật liệu và tiêu chuẩn CE; có trợ cụ tương thích	10	cái
15	Vít xương cứng 3.5 các cỡ	Vít được làm từ chất liệu thép không gỉ, tự taro. Đường kính mũ vít 6.0mm với độ cao 2.9 mm, đầu lục giác vặn vít đường kính 2.5mm, sâu 1.5mm. Độ rộng thân vít không gồm phần ren 2.5mm, gồm cả ren 3.5mm, chiều dài từ 10mm - 80mm, bước tăng 2mm trong dải từ 10 mm - 60 mm, bước tăng 5 mm trong dải từ 60 mm - 80 mm; bước ren 1.25mm. Có trợ cụ tương thích.	300	cái
16	Vít xương cứng 4.5 các cỡ	Vít được làm từ chất liệu thép không gỉ, tự taro. Đường kính mũ vít 8.0mm với độ cao 4.4 mm, đầu lục giác vặn vít đường kính 3.5mm, sâu 2.8mm. Độ rộng thân vít không gồm phần ren 3.1mm, gồm cả ren 4.5mm, chiều dài từ 10mm - 80mm, bước tăng 2mm trong dải từ 10 mm - 70 mm, bước tăng 5 mm trong dải từ 70 mm - 80 mm; bước ren 1.75mm. Có trợ cụ tương thích.	230	cái
17	Đinh kitner	Đinh Kisner được làm từ chất liệu thép không gỉ. Đường kính đinh từ 0.8 mm - 3.0 mm. Chiều dài đinh các kích thước 150 mm, 225 mm, 300 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	20	cái
18	Chỉ thép buộc	Chỉ thép được làm từ chất liệu thép không gỉ. Đường kính chỉ từ 16G - 30G. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	5	cuộn
19	Ống nghiệm chứa heparin	Ống nghiệm sản xuất từ nhựa Polypropylene. - Thể tích ống nghiệm tùy loại : từ 2.0ml đến 10ml. - Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine lithium. Hóa chất Heparine lithium có thể ở dạng lỏng - Nắp đáy ống nghiệm: nắp nhựa, nắp bật	10000	cái
20	Băng mực in cho máy huyết học loại 310	Dùng cho Máy in EPSON LQ-310	20	cuộn

21	Dây đo SpO2 của monitor theo dõi chức năng sống Cetus X12/ Axcent	Dùng cho Monitor Cetus X12/ Axcent	3	cái
22	Dây đo huyết áp của monitor theo dõi chức năng sống Cetus X12/ Axcent	Dùng cho Monitor Cetus X12/ Axcent	3	cái
23	Dây đo SpO2 của monitor theo dõi chức năng sống BSM-3562/Shinjuku-ku	Dùng cho BSM-3562/Shinjuku-ku	2	cái
24	Dây đo huyết áp của monitor theo dõi chức năng sống BSM-3562/Shinjuku-ku	Dùng cho BSM-3562/Shinjuku-ku	2	cái
25	Bao tay huyết áp monitor	Dùng cho Monitor Nihon	3	cái
26	dây bơm máy huyết học Nihon	Dùng cho máy huyết học Nihon	2	cái
27	Kẹp phẫu tích thẳng có mẫu 18cm	Kẹp phẫu tích thẳng có mẫu kích thước; chiều dài 18cm , 1x2 răng Chất liệu thép không gỉ	3	cái
28	Kẹp phẫu tích thẳng không mẫu 18cm	Kẹp phẫu tích thẳng không mẫu, kích thước; chiều dài 18cm , răng cưa Chất liệu thép không gỉ	3	cái
29	Kéo thẳng nhọn 18cm	Kéo thẳng nhọn kích thước; chiều dài 18cm , 2 đầu nhọn. Chất liệu thép không gỉ	2	cái
30	Kéo thẳng tù 18cm	kích thước; chiều dài 18cm , 2 đầu tù Chất liệu thép không gỉ	2	cái
31	Panh cong có mẫu 18cm	kích thước; chiều dài 18cm , 1x2 răng Chất liệu thép không gỉ	3	cái
32	Panh cong không mẫu 18cm	kích thước; chiều dài 18cm , răng cưa Chất liệu thép không gỉ	23	cái
33	Huyết áp đồng hồ	Đo huyết áp thông thường. Bao gồm đồng hồ, bóng bóp, túi hơi và tai nghe 2 mặt	5	cái
34	Ống nghe hai tai	Ống nghe tim phổi bao gồm chuông nghe và màng nghe Ống chữ Y nhựa P.V.C trọng Lượng : 130g	5	cái
35	Cáng cứu thương	Giúp vận chuyển bệnh nhân, thuận tiện- Có hai giá đỡ ở dưới cùng của cang, nó chắc chắn và có thể gấp lại.- Chất liệu vải oxford chất lượng cao, không thấm nước và dễ làm sạch. Khung thép sơn tĩnh điện chắc chắn - Hai dây đai an toàn, có thể điều chỉnh theo chiều cao khác nhau của mỗi người và tiết kiệm nhân lực.- Thiết kế bánh xe thuận tiện khi sử dụng, tiết kiệm nhân lực và hỗ trợ phụ- Cáng được thiết kế cho hai người đứng hai đầu tiện di chuyển. Chất liệu:+ Khung: Bằng thép mã kẽm chắc chắn+ Chỗ nằm : Bằng vải bạt chắc chắn, thoáng khí - Cáng bao gồm: + 02 bánh xe tiện đẩy vào xe cứu thương + 02 Chân cứng cáp + 02 đai bảo hiểm- Tải trọng tối đa cang : 100kg- Kích thước mở cang : 200 x 500 x 15 cm- Gấp gọn lại thành 2 khúc- Màu sắc: Xanh biển	1	cái

36	Nẹp cổ cứng	Làm từ chất liệu mút mật độ cao EVA và Có khóa Velcro, khuôn nhựa định hình thiết kế gồm 2 mảnh riêng biệt. Sử dụng cho các chấn thương đốt sống cổ, sau phẫu thuật, có khuôn nhựa tạo lỗ có thể luồn ống nội khí quản	5	cái
37	Bộ phụ kiện máy khí dung	Làm từ nhựa PVC nguyên sinh an toàn, không gây kích ứng, bề mặt mềm mại, mịn màng, trong suốt, không chứa độc tố DEHP Thiết kế thích hợp với tất cả các loại máy khí dung. Có dụng cụ chứa thuốc. Dây dẫn chính có chiều dài 2m. Mặt nạ có dây đeo. Bầu đựng thuốc từ 2ml -> 6ml. Tốc độ phun sương từ 0.60ml -> 0.70ml/phút. Giọt phun sương từ 0.010ml -> 0.014ml/giọt. Bao gồm mặt nạ, khí dung, ống oxy, thắt lưng đàn hồi, nhôm flake và kết nối. Sản phẩm được dùng để quản lý thuốc cho người bệnh dưới dạng một sương mù hít vào phổi. Tiệt trùng bằng khí EO Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE.Gồm các size : S, M, L, XL	5	cái
38	Panh sát khuẩn đầu rắn dài 25cm	kích thước;chiều dài 25cm , đầu răng cưa Chất liệu thép không gỉ	35	cái
39	Hộp chữ nhật inox 60*21*18cm	Hộp chữ nhật inox 60*21*18cm dùng hấp đồ	1	cái
40	Kìm quả tim nhỏ 25cm	kích thước;chiều dài 25cm , đầu răng cưa,tròn. Chất liệu thép không gỉ	5	cái
41	Panh cong cầm máu 15cm	Panh cong cầm máu 15cm, kích thước;chiều dài 15cm , răng cưa Chất liệu thép không gỉ	10	cái
42	panh cong cầm máu 10cm	panh cong kích thước;chiều dài 10cm , răng cưa. Chất liệu thép không gỉ	10	cái
43	panh thẳng không máu 24cm	Kẹp phẫu thuật thẳng có máu 24cm.Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	2	cái

44	Bơm karman 1 van	Ống bơm có dung tích : 60cc Áp lực hút: 609,6 – 660,4 mm Hg Bơm có thể tái sử dụng đến 25 lần (nếu cho phép) Ống hút dùng cho bơm là ống Flexible Karman Cannula cỡ 4mm – 6mm (FC4 – FC6) và ống EB 3mm Trên ống có 6 chấm bắt đầu từ khoảng cách 6cm tính từ đầu ống, khoảng cách giữa các chấm là 1cm dùng để đo kích thước tử cung. Bơm được làm bằng nhựa không latex Đóng gói: đóng gói riêng biệt từng túi (mã SVS-LF) và đóng gói 10 cái/túi (mã SVS-S10) Hạn sử dụng: 3 năm kể từ ngày sản xuất	2	cái
45	Bơm karman 2 van	Ống bơm có dung tích: 60cc Áp lực hút: 609,6 – 660,4 mm Hg Bơm có thể tái sử dụng đến 25 lần (nếu cho phép) Ống hút dùng cho bơm là ống Ipas EasyGrip®Cannula các cỡ và ống Flexible Karman Cannula cỡ 12mm Trên ống có 6 chấm bắt đầu từ khoảng cách 6cm tính từ đầu ống, khoảng cách giữa các chấm là 1cm dùng để đo kích thước tử cung. Bơm có thể tiệt trùng bằng hấp tiệt trùng ở nhiệt độ 250OF (121OC) hoặc tiệt trùng lạnh (Cidex®, Sporox®II) Bơm được làm bằng nhựa không latex Đóng gói: Tiệt trùng, đóng gói riêng biệt từng túi Hạn sử dụng: 5 năm kể từ ngày sản xuất	1	cái
46	Bát inox đường kính 10cm	Cốc bằng inox 304 có đường kính 10cm	10	cái
47	Khay quả đậu nhỏ	Khay quả đậu, dài 200MM	5	cái
48	Mỏ vịt inox	thép y tế	20	cái
49	Túi đựng máu đơn	Túi máu dùng để thu thập, lưu trữ, truyền và vận chuyển máu; Kết cấu của túi mềm mại, ống chống xoắn linh hoạt được đóng gói riêng biệt; Kích cỡ: 250ml; Chúng loại bao gồm: túi đơn thích hợp cho việc lấy máu toàn phần cũng như sản xuất chế phẩm máu; Vật liệu dùng để sản xuất túi máu, dây truyền sản xuất đều được kiểm tra và thực hiện tự động để đảm bảo sản phẩm cuối cùng đạt chất lượng và vệ sinh y tế tiêu chuẩn quốc tế; Vật liệu dùng để sản xuất túi máu, dây truyền sản xuất đều được kiểm tra và thực hiện tự động để đảm bảo sản phẩm cuối cùng đạt chất lượng và vệ sinh y tế tiêu chuẩn quốc tế; Các thông số về an toàn và hạn sử dụng được ghi trên nhãn của từng túi và hộp nhỏ để tiện theo dõi khi sử dụng	10	cái

50	Kẹp hình tim 26cm	Kẹp phẫu thuật hình tim 26cm cong. Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	20	cái
51	Kẹp từ cung 25cm	Kẹp cổ tử cung 25cm; Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	4	cái
52	Kẹp phẫu tích có máu 14cm	Kẹp phẫu thuật có máu 14cm. Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	10	cái
53	Kẹp phẫu tích có máu 16cm	Kẹp phẫu thuật có máu 16cm. Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	10	cái
54	Kẹp răng chuột 16cm	Kẹp răng chuột, Thân dài 16cm. Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	20	cái
55	Kẹp xương mỏ 8cm	Kẹp phẫu thuật khăn mỏ 8cm; Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	20	cái
56	Kẹp phẫu tích không máu 18cm	Kẹp phẫu thuật thẳng không máu 18cm; Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	10	cái
57	Banh phẫu thuật Farabeuf 24cm	Banh phẫu thuật Farabeuf 24cm. Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	6	cái
58	Banh phẫu thuật Farabeuf 10cm	Banh phẫu thuật Farabeuf 10cm. Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	6	cái
59	Panh cong không máu 14cm	Panh / Kẹp phẫu thuật cong không máu 14cm; Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	40	cái
60	Panh cong không máu 16cm	Panh / Kẹp phẫu thuật cong không máu 16cm; Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	20	cái
61	Banh vén tạng 23cm	Banh vén tạng dài 23cm	2	cái
62	Kéo cong phẫu thuật tù 16cm	Kéo phẫu thuật 16cm cong tù; Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	20	cái

63	Kéo cong phẫu thuật tù 18cm	Kéo phẫu thuật 18cm cong tù; Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	20	cái
64	Kéo cắt chỉ thẳng tù 16cm	Kéo phẫu thuật 16cm thẳng tù; Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	20	cái
65	Kéo cắt chỉ thẳng tù 18cm	Kéo phẫu thuật 18cm thẳng tù; Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	10	cái
66	Kéo cắt chỉ thẳng nhọn 12cm	Kéo phẫu thuật cắt chỉ 12cm thẳng nhọn. Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. bề mặt dễ dàng vệ sinh. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	10	cái
67	Kéo cắt gạc 22cm	Kéo phẫu thuật 22cm; Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	2	cái
68	Kim kẹp kim 20cm	Kim mang kim phẫu thuật 20cm Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	10	cái
69	Kim kẹp kim 18cm	Kim mang kim phẫu thuật 18cm. Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	10	cái
70	Kim kẹp kim 16cm	Kim mang kim phẫu thuật 16cm. Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	10	cái
71	Bóng đèn mô 24V-25W	Bóng đèn mô 24V-25W	100	cái
72	Bộ dụng cụ chích chấp lợ	Bộ phẫu thuật chích chấp lợ. Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO	1	bộ
73	Van giám áp oxy hai đồng hồ	Hai đồng hồ áp suất điều chỉnh áp	1	cái
74	Đầu côn vàng	Đầu côn vàng dung tích 200 ul, có khóa làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước.	5000	cái
75	Lam kính	Lam kính có bảm dính tích điện dương, cạnh mài 90°, có vùng ghi nhãn màu trắng	3000	cái